TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2020/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị V. Sinh năm 1999.

- Bị đơn: Anh Hà Văn Y. Sinh năm 1997.

Đều trú tại: Thôn Bản Châng, xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bàn Thị V và anh Hà Văn Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị V và anh Hà Văn Y thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Bàn Thị V và anh Hà Văn Y có 01 con chung là Hà Thùy D, sinh ngày 02/8/2016, con khỏe mạnh phát triển bình thường. Sau ly hôn, anh Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi.

* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Y không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung :*Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Chị Bàn Thị V tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 08740 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Bàn Thị V được hoàn lại số tiền: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. B;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS H. B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Triệu Thị Huyền